

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày: 28-6-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phú và Ông Trần Thanh Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên

Trong các ngày 23 và 28 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2021/TLST-TCDS ngày 11 tháng 10 năm 2021, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-TCDS ngày 03 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ;

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 đường H, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hà Thanh H - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Bắc Quảng Bình;

Người đại diện theo uỷ quyền lại tham gia tố tụng: bà Nguyễn Thị Th, Chuyên viên Phòng quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Bà Ch có mặt, ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2021, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên toà, người đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng Đầu tư) - Chi nhánh Bắc Quảng Bình đã ký các Hợp đồng tín dụng với ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch, cụ thể như sau.

- Ngày 11/12/2015, ký Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7989914/HĐTD. Theo đó, ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch vay của Ngân hàng Đ số tiền 8.750.000.000 đồng (*tám tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng*); thời hạn cho vay là 132 tháng; mục đích vay là đóng mới tàu cá vỏ gỗ theo Nghị định 67/NĐ-CP phục vụ khai thác thủy hải sản xa bờ, công suất máy 822CV, hoạt động nghề chụm mực và câu khơi; lãi suất cho vay trong năm đầu là 7%/năm, lãi suất các năm tiếp theo được điều chỉnh theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất trong hạn, trong đó, ông L và bà Ch được miễn lãi năm đầu tiên, các năm tiếp theo phải chịu lãi suất là 3%/năm quy định tại văn bản hướng dẫn của Ngân hàng.

Ông Trương Văn L và bà Hồ Thị C do ông Trương Văn L đại diện rút vốn đã nhận đủ số tiền vay 8.750.000.000 đồng, cụ thể như sau: ngày 05/11/2015, nhận số tiền vay 1.331.756.000 đồng; ngày 29/12/2015, nhận số tiền vay 1.391.000.000 đồng; ngày 19/02/2016, nhận số tiền vay 1.634.000.000 đồng; ngày 02/3/2016, nhận số tiền vay 1.410.500.000 đồng; ngày 07/3/2016, nhận số tiền vay 689.800.000 đồng; ngày 29/4/2016, nhận số tiền vay 1.762.837.000 đồng; ngày 05/5/2016, nhận số tiền vay 351.511.000 đồng; ngày 24/8/2016, nhận số tiền vay 123.200.000 đồng.

Ngày 11/11/2016, ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch đã ký với Ngân hàng Đ Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7989914/HĐTD ngày 02/10/2015 sửa đổi số tiền vay là 8.694.604.200 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 09/8/2021, ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch đã trả được tổng số tiền cho Hợp đồng này là 3.779.703.393 đồng, trong đó có 1.684.104.200 đồng nợ gốc, 2.095.572.110 đồng nợ lãi và 27.083 đồng phí quá hạn.

- Ngày 11/9/2018, ký Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/8231125/HĐTD. Theo đó, ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch vay của Ngân hàng Đ số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*); thời hạn cho vay là 12 tháng; mục đích vay là thanh toán các chi phí tiêu dùng và sinh hoạt; lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là 8,5%/năm, lãi suất sau đó được điều chỉnh bằng lãi suất FTP bán vốn cá nhân O/N do Ngân hàng Đ công bố cộng mức phí 3,5%/năm.

Ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch đã nhận số tiền vay 199.900.000 đồng, cụ thể như sau: ngày 11/9/2018, nhận số tiền vay 47.340.000 đồng; ngày 12/9/2018, nhận số tiền vay 20.000.000 đồng; ngày 18/9/2018, nhận số tiền vay 40.000.000 đồng; ngày 02/10/2018, nhận số tiền vay 92.560.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 09/8/2021 ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch đã trả được tổng số tiền cho Hợp đồng này là 94.692.639 đồng, trong đó có 65.900.000 đồng nợ gốc, 28.113.527 đồng nợ lãi và 679.112 đồng phí quá hạn.

- Để bảo đảm cho khoản vay của ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch đã ký kết với Ngân hàng Đ các hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể như sau:

Ngày 13/01/2016, ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7989914/HĐBĐ: tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 02 có địa chỉ tại xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình có diện tích là 164m², được UBND huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 724479 ngày 06/11/2002 mang tên hộ ông Trương L và bà Hồ Thị Ch.

Ngày 02/10/2015, ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/7989914/HĐBĐ và ngày 29/8/2016 ký Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/7989914/HĐBĐ ngày 02/10/2015 số 01/2016/7989914/SĐBS, tài sản thế chấp là tàu cá vỏ gỗ khai thác thủy hải sản (nghề chụp mực, câu khơi) cùng toàn bộ trang thiết bị, ngư lưới cụ có số đăng ký QB 92139TS.

Sau khi các khoản nợ quá hạn, Ngân hàng Đ đã tìm gặp ông L và bà Ch để làm việc nhiều lần nhưng ông L và bà Ch không trả được nợ theo cam kết. Do đó, Ngân hàng Đ thực hiện thủ tục khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn để yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch phải thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 09/8/2021 là 8.142.589.072 đồng, trong đó có 7.114.500.000 đồng nợ gốc, 906.949.915 đồng nợ lãi và 91.139.157 đồng phí quá hạn.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch phải thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 28/6/2022 với tổng số tiền là 8.444.683.291 đồng, trong đó: đối với khoản vay theo nghị định 67: dư nợ gốc là 7.010.500.000 đồng, dư nợ lãi là 1.171.851.871 đồng, phí chậm trả 129.702.061 đồng; đối với khoản vay thương mại: dư nợ gốc là 94.000.000 đồng, dư nợ lãi là 22.084.252 đồng, phí chậm trả 16.545.107 đồng; tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ gốc theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng; trong trường hợp ông L và bà Ch không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án buộc xử lý tài sản thế chấp của ông L, bà Ch theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ.

Về phía bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch thống nhất trình bày: ông bà thừa nhận đã ký kết các hợp đồng như đại diện Ngân hàng Đ trình bày gồm: Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7989914/HĐTD ngày 11/12/2015, Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/8231125/HĐTD ngày 11/9/2018, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7989914/HĐBĐ ngày 13/01/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/7989914/HĐBĐ ngày 02/10/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/7989914/HĐBĐ ngày 02/10/2015 số 01/2016/7989914/SĐBS ngày 29/8/2016. Số tiền vay, các điều khoản trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp cho Ngân hàng đúng như Ngân hàng đã trình bày cũng như nội dung các Hợp đồng đã được Ngân

hàng nộp cho Tòa án. Quá trình thực hiện các Hợp đồng vay vốn, khoảng 3 năm đầu Ông bà vẫn thực hiện đúng cam kết với Ngân hàng Đ nhưng từ khoảng năm 2019 trở lại đây, do ảnh hưởng của dịch bệnh cũng như nguồn thủy hải sản bị ít đi nên công việc làm ăn đi biển của gia đình gặp nhiều khó khăn, thường xuyên lỗ vốn nên không thể thực hiện đúng lộ trình trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng trình bày về số nợ còn lại thì ông bà cũng nhất trí nhưng xin Ngân hàng cho giãn thời hạn để được trả nợ dần. Trường hợp ông bà không trả được nợ thì ông bà đồng ý giao tài sản thế chấp là tàu cá để phát mại thu hồi nợ cho Ngân hàng, còn đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà thì hiện nay do gia đình ông bà đang dùng làm nơi sinh sống duy nhất, ông bà không còn nơi ở nào khác nên ông bà xin Ngân hàng được trả trước một phần nợ để rút thế chấp đối với tài sản này để gia đình có nơi sinh sống.

Ngày 13/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình thực hiện theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 13/2021/QĐ-UTTA ngày 10/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 02 có địa chỉ tại xã Đức Trạch, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình và Tàu cá có số đăng ký QB 92139TS. Kết quả thẩm định thửa đất hiện có kích thước cụ thể là: cạnh hướng Bắc giáp thửa đất số 163 và thửa đất số 191; cạnh hướng Nam giáp thửa đất số 189; cạnh hướng Đông giáp đường giao thông; cạnh hướng Tây giáp thửa đất số 191; diện tích thửa đất hiện tại là 164m², đã được xây hàng rào cố định và không có tranh chấp với ai; tài sản trên đất có ngôi nhà một tầng diện tích 60,5m². Đối với tàu cá có chiều dài 2,3m, rộng 07m, cao 2,9m đúng như Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đã được cấp.

Ngày 22/4/2022, Tòa án đã tiến hành xác minh về tên tuổi của ông Trương Văn L, kết quả xác định: ông Trương Văn L sinh năm 1970, cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình có quan hệ vợ chồng với bà Hồ Thị Ch, sinh năm 1970, cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Ông Trương Văn L có tên trong hộ khẩu gia đình, chứng minh nhân dân và ông Trương L có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 724479 do UBND huyện Bồ Trạch cấp ngày 06/11/2002 là một người. Ông Trương Văn L hiện đang sinh sống và làm việc tại thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 04/5/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình cung cấp thông tin về hồ sơ cấp đất của ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch xác nhận: thửa đất số 02 tờ bản đồ số 02 tại xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 724479 do UBND huyện Bồ Trạch cấp ngày 06/11/2002 có nguồn gốc sử dụng ổn định từ năm 1989. Trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện có chủ sử dụng đất khác ngoài ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm; nguyên đơn, bị đơn bà Hồ Thị Ch tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực

hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, bị đơn ông Trương Văn L mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ hai lần để đến tham gia phiên tòa nhưng do bận đi biển đánh cá nên vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông Trương Văn L.

- Về nội dung: thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Đ số tiền còn nợ tính đến ngày 28/6/2022 với tổng số tiền là 8.444.683.291 đồng, trong đó: đối với khoản vay theo nghị định 67: dư nợ gốc là 7.010.500.000 đồng, dư nợ lãi là 1.171.851.871 đồng, phí chậm trả 129.702.061 đồng; đối với khoản vay thương mại: dư nợ gốc là 94.000.000 đồng, dư nợ lãi là 22.084.252 đồng, phí chậm trả 16.545.107 đồng; tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ gốc theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng; trong trường hợp ông L và bà Ch không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án buộc xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ.

Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: tranh chấp giữa Ngân hàng Đ và ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7989914/HĐTD ngày 11/12/2015 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/8231125/HĐTD ngày 11/9/2018 giữa hai bên, bị đơn trong vụ án không có đăng ký kinh doanh và không có mục đích lợi nhuận khi giao kết hợp đồng nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Đ và ông Trương Văn L, bà Hồ Thị Ch đã tự thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng chọn Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình là Tòa án nơi nguyên đơn có Chi nhánh để giải quyết tranh chấp. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trương Văn L: quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập hợp lệ cho bị đơn ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch nhưng chỉ bà Ch có mặt đầy đủ, ông L cũng đã có lời khai trình bày về nội dung tranh chấp. Theo trình bày của bà Hồ Thị Ch thì do ông L thường xuyên đi biển dài ngày nên không thể tham gia tố tụng theo giấy báo của Tòa án được, ông L nhất trí với ý kiến mà bà trình bày tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trương Văn L.

[2] Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn:

2.1. Xét yêu cầu buộc ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 28/6/2022 với tổng số tiền là 8.444.683.291 đồng, trong đó: đối với khoản vay theo nghị định 67: dư nợ gốc là 7.010.500.000 đồng, dư nợ lãi là 1.171.851.871 đồng, phí chậm trả 129.702.061 đồng; đối với khoản vay thương mại: dư nợ gốc là 94.000.000 đồng, dư nợ lãi là 22.084.252 đồng, phí chậm trả 16.545.107 đồng; tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ gốc theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử thấy:

Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7989914/HĐTD ngày 11/12/2015 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/8231125/HĐTD ngày 11/9/2018 được ký kết giữa Ngân hàng Đ với ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch là hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 119, 398, 463 của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7989914/HĐTD ngày 11/12/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng nói trên: theo các Bảng kê rút vốn ngày 05/11/2015, 29/12/2015, 19/02/2016, 02/3/2016, 07/3/2016, 29/4/2016, 05/05/2016, 24/8/2016, Ngân hàng Đ đã giải ngân cho ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch nhận đủ số tiền vay là 8.694.604.200 đồng. Sau khi nhận được số tiền vay, thời gian đầu ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch đã thực hiện đúng cam kết về các kỳ trả gốc, lãi và đã trả được tổng số tiền cho Hợp đồng này là 3.779.703.393 đồng, trong đó có 1.684.104.200 đồng nợ gốc, 2.095.572.110 đồng nợ lãi và 27.083 đồng phí quá hạn. Tuy nhiên, thời gian sau thì ông L và bà Ch không thực hiện các nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo đúng cam kết nên đến ngày 15/01/2019, khoản vay của ông L và bà Ch đã bị chuyển sang nợ quá hạn.

Đối với Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/8231125/HĐTD ngày 11/9/2018, Ngân hàng Đ đã giải ngân cho ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch nhận đủ số tiền vay là 199.900.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền vay, thời gian đầu ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch cũng đã thực hiện đúng cam kết về các kỳ trả gốc, lãi và đã trả được tổng số tiền cho Hợp đồng này là 94.692.639 đồng, trong đó có 65.900.000 đồng nợ gốc, 28.113.527 đồng nợ lãi và 679.112 đồng phí quá hạn. Tuy nhiên, sau đó thì ông L và bà Ch cũng không thực hiện các nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo đúng cam kết nên đến ngày 11/9/2019, khoản vay này của ông L và bà Ch đã bị chuyển sang nợ quá hạn.

Như vậy tổng số tiền ông L và bà Ch đã vay của Ngân hàng Đ là 8.894.504.200 đồng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng Đ buộc ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 28/6/2022 với tổng số tiền là 8.444.683.291 đồng, trong đó: đối với khoản vay theo nghị định 67: dư nợ gốc là 7.010.500.000 đồng, dư nợ lãi là 1.171.851.871 đồng, phí chậm trả 129.702.061 đồng; đối với khoản vay thương mại: dư nợ gốc là 94.000.000 đồng, dư

nợ lãi là 22.084.252 đồng, phí chậm trả 16.545.107 đồng; tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ gốc theo cam kết tại các Hợp đồng tín dụng là phù hợp với thỏa thuận được các bên ký kết tại các Hợp đồng tín dụng. Do đó yêu cầu của Nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận toàn bộ.

2.2. Xét yêu cầu trong trường hợp ông L và bà Ch không trả được nợ thì yêu cầu Tòa án buộc xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/7989914/HĐBĐ ngày 13/01/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/7989914/HĐBĐ ngày 02/10/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/7989914/HĐBĐ ngày 02/10/2015 số 01/2016/7989914/SĐBS ngày 29/8/2016 được ký kết giữa Ngân hàng Đ với ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch là hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 119 của Bộ luật dân sự, đã được đăng ký thế chấp theo đúng thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mặc dù trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi cấp cho hộ gia đình và có sai lệch về họ tên của ông Trương Văn L nhưng theo các kết quả xác minh đã thu được thì có căn cứ xác định: ông Trương L được ghi tên trong Giấy chứng nhận sử dụng đất số P 724479 ngày 06/11/2002 do UBND huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình cấp và ông Trương Văn L, chồng của bà Hồ Thị Ch, là bị đơn trong vụ án là một người; đồng thời, trong hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 724479 ngày 06/11/2002 do UBND huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình cấp chỉ thể hiện chủ sử dụng đất là ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch, không có căn cứ xác định người nào khác có quyền sử dụng đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 02 có địa chỉ tại xã Đức Trạch, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Do đó, xác định ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch là người có quyền sử dụng thửa đất số 02, tờ bản đồ số 02 có địa chỉ tại xã Đức Trạch, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình được pháp luật công nhận.

Như vậy, các Hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng. Tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp bao gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 02 có địa chỉ tại xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình có diện tích là 164m² đã được UBND huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 724479 ngày 06/11/2002 mang tên hộ ông Trương L và bà Hồ Thị Ch; tàu cá vỏ gỗ khai thác thủy hải sản (nghề chụp mực, câu khơi) cùng toàn bộ trang thiết bị, ngư lưới cụ có số đăng ký QB 92139TS.

Vì vậy, Ngân hàng Đ yêu cầu trong trường hợp ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì xử lý các tài sản thế chấp là có cơ sở, đúng với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: trong giai đoạn tố tụng, Ngân hàng Đ đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000 đồng; quá trình xem xét, thẩm

định tại chỗ đã chi phí số tiền 3.000.000 đồng (có danh sách chi phí cụ thể); yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do vậy, buộc ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng Đ.

[4] Về án phí: ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng Đ.

Ngân hàng Đ khởi kiện được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.071.294 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003255 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 7, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm a Điều 1.3 Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Xét xử vụ án vắng mặt một đồng bị đơn ông Trương Văn L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ: buộc ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền còn nợ tính đến ngày 28/6/2022 với tổng số tiền là 8.444.683.291 đồng, trong đó: đối với khoản vay theo nghị định 67: dư nợ gốc là 7.010.500.000 đồng, dư nợ lãi là 1.171.851.871 đồng, phí chậm trả 129.702.061 đồng; đối với khoản vay thương mại: dư nợ gốc là 94.000.000 đồng, dư nợ lãi là 22.084.252 đồng, phí chậm trả 16.545.107 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/6/2022) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7989914/HĐTD ngày 11/12/2015 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2018/8231125/HĐTD ngày 11/9/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 02 có địa chỉ tại xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình có diện tích là 164m² đã được UBND huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 724479 ngày 06/11/2002 mang tên hộ ông Trương L và bà Hồ Thị Ch; tàu cá vỏ gỗ khai thác thủy hải sản (nghề chụp mực, câu khơi) cùng toàn bộ trang thiết bị, ngư lưới cụ có số đăng ký QB 92139TS các Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng Đ.

4. Về án phí: Buộc ông Trương Văn L và bà Hồ Thị Ch phải nộp 116.444.683 đồng (*Một trăm mười sáu triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.071.294 đồng (Năm mươi tám triệu không trăm bảy mươi một nghìn hai trăm chín mươi tư đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003255 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

